

Bản án số: 363/2025/HC-PT

Ngày: 03/4/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1163/2024/TLPT- HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 234/2024/HC-ST ngày 19-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 817/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Võ Lệ T, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường N, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T: Bà Mai Thị Thu H, sinh năm 2000 (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Lệ T: Luật sư Trương Thị Minh T1, thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ: Số A đường T, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người bị kiện:**

1/ Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An là ông La Văn D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An là ông Ngô Hữu Đ - Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

2/ Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ú - Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh L là ông Phạm Vũ T2, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh L (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Mai Thị Thu H người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Năm 1995, bà Võ Lệ T và chồng của bà T là ông Lê Quang C mua đất của ông Trần Văn L (ký giấy tay với nhau nhưng thời gian quá lâu nên bị thất lạc). Sau khi mua xong, vợ chồng bà T đã thống nhất để bà T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/10/1997, bà T được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0563 QSDĐ 1201-LA với tổng diện tích 31.557m², gồm các thửa số 326, 327, 330, 331, 332, 336, 337, 338, 520, 1556, cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An.

Ngày 12/4/2022, ông Lê Quang C qua đời. Ngày 26/4/2022, bà T làm hồ sơ thừa kế 1/2 giá trị tài sản của chồng trong phần tài sản chung của cả hai vợ chồng là quyền sử dụng đất đối với 10 thửa đất nêu trên. Tại Công văn 287 CN.VPĐKĐĐ ngày 28/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K có nội dung: “Do thửa số 328, tờ bản đồ số 2, diện tích 980m², loại đất ao (hồ) bị giảm một phần diện tích do mở rộng đường T và thửa số 326, 327, diện tích 3.393m² loại đất lúa, thổ giảm một phần diện tích do mở rộng khu dân cư Sân bay nên hoàn trả lại toàn bộ hồ sơ kê khai thừa kế của bà T”.

Không đồng ý Công văn số 287/CN.VPĐKĐĐ, ngày 09/6/2022, bà T làm đơn khiếu nại gửi Thường trực Thị ủy Kiến Tường, Chủ tịch UBND thị xã K và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K về việc diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T bị thu hồi do mở rộng khu dân cư sân bay.

Tại Công văn số 2265/UBND-QLDA ngày 29/7/2022 của UBND thị xã K đã trả lời khiếu nại của bà T: “Qua rà soát, kiểm tra hồ sơ thì một phần diện tích thuộc thửa đất số 326, loại đất lúa và thửa đất số 327, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, phường A, thị xã K do bà Võ Lệ T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00563 QSDĐ/1201-LA, ngày 21/10/1997 đã được UBND tỉnh L giao cho

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993.

Không đồng ý với công văn số 2265/UBND-QLDA ngày 29/7/2022, bà T khiếu nại. Ngày 10/7/2023, Ủy ban nhân dân thị xã K ban hành quyết định số 883/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00563 ngày 21/10/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà T với lý do cấp không đúng diện tích sử dụng thực tế, trái quy định của pháp luật.

Bà T cho rằng việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là trái pháp luật vì:

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 4977/QĐ-UB về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao UBND huyện M (nay là UBND thị xã K) quản lý.

Sau khi bị trả hồ sơ thừa kế và có Đơn khiếu nại ngày 09/6/2022, UBND thị xã K có Công văn số 2265 trả lời, bà T mới biết rằng ngày 21/7/1997 thửa đất số 326 và 327 đã được UBND tỉnh L giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý và vào ngày 21/12/2004 UBND tỉnh L thu hồi lại để giao cho UBND huyện M. Trước đó, bà T không hề biết đến việc thu hồi đất này và gia đình bà T vẫn sử dụng trên thửa đất số 327 (loại đất thổ) và canh tác trên thửa đất số 326 (loại đất lúa) cho đến nay.

Do đó, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L, Quyết định 4977/QĐ-UB ngày 21/12/2004 của UBND tỉnh L và Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND thị xã K.

Tại Văn bản số 2153/UBND-NCTCD ngày 08 tháng 3 năm 2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh L có nội dung như sau:

Nguồn gốc đất và diễn biến:

Ngày 08/4/1989, UBND huyện M có Biên bản số 11/UB.BB.89 giải quyết các vấn đề nhà đất, công trình giao thông, trật tự trị an và mỹ quan trong nội ô thị trấn M. Đối với khu sân bay, tuyệt đối không cho xây cất nhà tạm bất cứ một công trình gì, trừ khi có lệnh không sử dụng. Công an, huyện đội có trách nhiệm giải tỏa bất cứ công trình nhà ở, liên quan đến khu vực đường băng sân bay.

Ngày 24/8/1992, Huyện đội M có biên bản khảo sát ranh giới đất quốc phòng diện tích 48.590m²; trong đó có nội dung: Đất tiếp quản sau năm 1975, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp.

Ngày 24/8/1992, Huyện đội M có biên bản khảo sát ranh giới đất quốc phòng diện tích 96.120m², trong đó có nội dung: Đất tiếp quản sau năm 1975, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp.

Ngày 26/7/1993, UBND tỉnh L có Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng với diện tích 48.590m².

Ngày 26/7/1993, UBND tỉnh L có Quyết định số 1303/UB.QĐ 93 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G, với diện tích 96.120m².

Ngày 16/03/2001, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L có Quyết định số 72/QĐ.QP 2001 về việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng, giao Ban chỉ huy quân sự huyện M có trách nhiệm quản lý sân bay M, chiều ngang 105m; chiều dài 968m, tổng diện tích 96.120m².

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh L có quyết định 4977/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại quyết định số 1301/UB QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao UBND huyện M quản lý.

Bà Võ Lệ T khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Long An hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 của UBND tỉnh L là không có cơ sở để xem xét giải quyết (Khiếu nại sai), bởi vì:

Đất Nhà nước quản lý, tiếp quản sau 30/4/1975, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp.

Ngày 26/7/1993, UBND tỉnh L có Quyết định số 1301/UB.QĐ 93 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G với diện tích 48.590m².

Ngày 26/7/1993, UBND tỉnh L có Quyết định số 1303/UB.QĐ 93 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G với diện tích 96.120m².

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh L có Quyết định số 4977/QĐ-UB thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại Quyết định số 1301/UB.QĐ 93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ 93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao UBND huyện M quản lý là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ pháp lý:

Theo Điểm a, Khoản 3, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 về thời hiệu khởi kiện như sau:

Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau.

01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

Căn cứ Điểm g, Khoản 1, Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về đình chỉ giải quyết vụ án như sau: “Thời hiệu khởi kiện đã hết”.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 đến nay khoảng 30,5 năm, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 đến nay khoảng 19 năm. Nay, bà Võ Lệ T khởi kiện hành chính yêu cầu hủy các quyết định trên là đã hết thời hiệu.

Trên cơ sở nguồn gốc đất, quá trình giải quyết khiếu nại và khởi kiện hành chính của bà Võ Lệ T, UBND tỉnh L có ý kiến như sau:

Về tổ tụng, đề nghị TAND tỉnh Long An đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T về việc hủy bỏ Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993; Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và Quyết định số 4977/UB.QĐ ngày 21/12/2004 của UBND tỉnh L.

Lý do: Đã hết thời hiệu khởi kiện hành chính.

Về nội dung, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 là đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 234/2024/HC-ST ngày 19-9-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T đối với các yêu cầu:

Hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng.

Hủy Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng.

Hủy Quyết định số 4977/QĐ. UB ngày 24/12/2004 của UBND tỉnh L về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao cho UBND huyện M quản lý.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T: Hủy Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND thị xã K, tỉnh Long An về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T có đơn kháng cáo, đề nghị sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T về việc hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993; Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/QĐ. UB ngày 24/12/2004 đều của UBND tỉnh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tranh luận:

Căn cứ vào nội dung Đơn xin mua đất thổ cư của vợ chồng bà T và Biên bản làm việc ngày 28/10/2010 đã xác định rõ phần đất khu L (Lô A, 20) mà bà T xin mua là nằm ngoài diện tích thửa số 327, bà T hoàn toàn không biết đất của mình đã bị Nhà nước thu hồi. Vì bà T trình bày phần đất 31.557m² trong đó có 1.272m² đất thổ cư thuộc thửa số 327 nằm trước khu H (31.557m² là tổng diện tích 10 thửa đất nêu trên; 1.272m² là diện tích thửa đất số 327 theo GCN QSDĐ của bà Võ Lệ T được Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 21/10/1997).

Đến ngày 05/8/2022, bà T mới biết được một phần diện tích thuộc thửa đất số 326 (diện tích chồng lấn 125m²) và thửa đất số 327 (diện tích chồng lấn 326m²) lên diện tích đất của Nhà nước thông qua Công văn số 2265/UBND-QLDA ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã K.

Ủy ban nhân dân thị xã K dựa vào Đơn xin mua đất thổ cư của bà T đề ban hành Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/7/2023: “Thu hồi giấy CN số 00563 của UBND huyện M cấp cho bà Võ Lệ T vào ngày 21/10/1997 với lý do: Cấp không đúng diện tích sử dụng thực tế, trái quy định của pháp luật” là thiếu căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Võ Lệ T: Hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 cùng ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/QĐ-UB ngày 21/12/2024 đều của UBND tỉnh L (Đồng thời Luật sư gửi bản “Ý kiến pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện” ngày 03/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày quan điểm tranh luận:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đồng ý với quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993; Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/QĐ. UB ngày 24/12/2004 đều của UBND tỉnh L, để thực hiện trình tự quy

định của pháp luật về thu hồi, bồi thường, di dời tái định cư cho gia đình bà Võ Lệ T.

Bởi lẽ, UBND thị xã K ban hành Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/7/2023: “Thu hồi giấy CN số 00563 của UBND huyện M cấp cho bà Võ Lệ T vào ngày 21/10/1997 với lý do: “Cấp không đúng diện tích sử dụng thực tế, trái quy định của pháp luật” là thiếu căn cứ. Ông L chuyển nhượng QSDĐ hợp pháp của ông cho vợ chồng bà T. Bà T khi nhận QSDĐ, kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ không ai ngăn cản, tranh chấp và bà T vẫn trực tiếp quản lý sử dụng canh tác ổn định từ năm 1995 cho đến nay. Nếu vì mục đích phát triển kinh tế xã hội thì phải có quyết định thu hồi, quyết định bồi thường. UBND thị xã K dựa vào 02 Quyết định số 1301 và 1303 của UBND tỉnh L công nhận QSDĐ cho Quân khu 7 nhưng không đo đạc, không cắm mốc, không xác định ranh giới đất của quân đội và người dân. Không căn cứ vào Quyết định số 4977/QĐ-UB ngày 21/12/2004 của UBND tỉnh L để xem xét, thực hiện việc xác định mốc giới và lập phương án bồi thường, hỗ trợ di dời nếu có.

Tại Công văn số 449/UBND-TNMT ngày 20/02/2024 của UBND thị xã K xác định: “Bà Võ Lệ T và chồng là ông Lê Quang C đã từng có đơn xin mua đất phía trước hàng rào để đi ra đường L; những nội dung này thể hiện bà Võ Lệ T đã xác định đất của mình là từ hàng rào trở vô, còn phía trước là đất Nhà nước; ...” là không có căn cứ. Vì nội dung mua đất thổ cư của vợ chồng bà T và biên bản làm việc ngày 28/10/2020 đã xác định rõ phần đất khu L (lô A, 20) bà T xin mua là nằm ngoài diện tích thửa số 327, bà T hoàn toàn không biết đất của mình chồng lấn lên đất của nhà nước. Đến ngày 05/8/2022, bà T mới biết được một phần diện tích thuộc thửa đất số 326 (diện tích chồng lấn 125m²) và thửa đất số 327 (diện tích chồng lấn 326m²) lên diện tích đất của Nhà nước thông qua Công văn số 2265 ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã K. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã K căn cứ Đơn xin mua đất thổ cư của vợ chồng bà T để ban hành Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 là thiếu căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh L phát biểu quan điểm tranh luận như sau:

Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An phát biểu quan điểm tranh luận như sau:

Không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T về việc hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 đều của UBND tỉnh L, là có căn cứ. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới làm căn cứ sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy các quyết định hành chính bị kiện nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T); giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, các người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Xét kháng cáo của bà Mai Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T):

[2.1]. Về hình thức, thẩm quyền và trình tự ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ vào đơn xin công nhận quyền sử dụng đất của Quân khu G, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng.

Căn cứ vào đề nghị của UBND huyện M về việc chuyển giao đất khu vực sân bay, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 4977/QĐ.UB ngày 24/12/2004 về việc thu hồi tổng diện tích đất 144710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao cho UBND huyện M quản lý.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND tỉnh L ban hành các quyết định hành chính trên là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục, là có căn cứ.

[2.2] Về nội dung của các quyết định hành chính bị kiện:

Quân khu G có đơn yêu cầu UBND tỉnh L công nhận đất quốc phòng tại huyện M. Ngày 24/8/1992, Huyện đội Mộc Hóa khảo sát ranh giới đất quốc phòng có diện tích 48.950m² tại huyện M và đã lập biên bản khảo sát có nội dung: Đất tiếp quản sau năm 1975, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Và cùng ngày 24/8/1992, Huyện đội M đã khảo sát ranh giới đất quốc phòng có diện tích 96.120m² tại huyện M và đã lập biên bản khảo sát có nội dung: Đất tiếp quản sau năm 1975, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp.

Căn cứ vào các khảo sát trên, ngày 26/7/1993 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho quân khu G Bộ Q một khu đất có diện tích 48.490m² và cùng ngày 26/7/1993 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho quân khu G Bộ Q một khu đất có diện tích 96.120m² quốc phòng.

Ngày 20/11/2004, UBND huyện M có Công văn số 1978/CV-UB về việc chuyển giao đất khu vực sân bay M.

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 4977/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý theo Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao UBND huyện M quản lý.

Căn cứ vào các văn bản trên ngày 24/12/2004, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 4977/QĐ.UB về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao cho UBND huyện M quản lý.

Vào ngày 26/8/1997, bà T có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 10 thửa đất trong có thửa 326, 327. Ngày 21/10/1997, bà T được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 10 thửa đất trong đó có thửa 326, 327. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T chỉ dựa trên cơ sở đăng ký của bà T vào năm 1997, dựa theo bản đồ địa chính, cấp đại trà, không đo đạc thực tế. Trong khi, từ năm 1993, Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng, trong đó có một phần diện tích thửa 326 và 327.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng; Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng; Quyết định số 4977/QĐ.UB ngày 24/12/2004 về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L, giao cho UBND huyện M quản lý là đúng qui định của pháp luật

và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy các quyết định hành chính bị kiện nêu trên, là có căn cứ.

[2.4]. Bà Mai Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T) kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993, Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 và Quyết định số 4977/UB-QĐ ngày 21/12/2004 đều của UBND tỉnh L, để thực hiện trình tự quy định của pháp luật về thu hồi, bồi thường, di dời tái định cư cho gia đình bà Võ Lệ T; nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới làm căn cứ sửa bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; cần giữ nguyên phần bản án hành chính sơ thẩm liên quan đến nội dung kháng cáo.

[2.5]. Bà Mai Thị Thu H không kháng cáo đối với phần bản án sơ thẩm liên quan đến Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Lệ T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không được chấp nhận.

[4]. Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh L, được chấp nhận.

[5]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra bà Võ Lệ T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Võ Lệ T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của bà Võ Lệ T).

2. Giữ nguyên một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 234/2024/HC-ST ngày 19 - 9 - 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”, giữa người khởi kiện bà Võ Lệ T với người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân tỉnh L.

2.1. Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lệ T đối với các yêu cầu:

Hủy Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng.

Hủy Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L về việc công nhận quyền sử dụng đất quốc phòng cho Quân khu G quản lý, sử dụng.

Hủy Quyết định số 4977/QĐ. UB ngày 24/12/2004 của UBND tỉnh L về việc thu hồi tổng diện tích đất 144.710m² do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý tại Quyết định số 1301/UB.QĐ.93 và Quyết định số 1303/UB.QĐ.93 ngày 26/7/1993 của UBND tỉnh L và giao cho UBND huyện M quản lý.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Lệ T được miễn.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VP; (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuý Hòa